**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỦA TCTD, CHI NHÁNH NHNNG; HỒ SO, THỦ TỤC THU HỒI GIẤY PHÉP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM CỦA TCTD, TỔ CHỨC KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

**I. Sự cần thiết ban hành Thông tư:**

Luật các tổ chức tín dụng 2024 quy định:

- Khoản 4 Điều 27: *“4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc thông báo thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép; thông tin về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài và các thông tin có liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã”.*

- Khoản 4 Điều 36: *“4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép”.*

- Khoản 8 Điều 160: “*8. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà chi nhánh ngân hàng nước ngoài không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản theo quy định tại Chương XIII của Luật này”.*

- Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 187: “*Điều 187.Giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt:*

*“1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ; b) Có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.*

*2. Trường hợp giải thể theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt trình Ngân hàng Nhà nước quyết định giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.*

*3. Trường hợp giải thể theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản, trong đó có kế hoạch mua một phần hoặc toàn bộ tài sản, đồng thời nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Đối với quỹ tín dụng nhân dân, phương án thanh lý tài sản phải có ý kiến của ngân hàng hợp tác xã trước khi gửi Ngân hàng Nhà nước.*

*5. Việc giải thể và thanh lý tài sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt khi giải thể thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 204 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.*

- Điều 202: *“Điều 202. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*

*1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.*

*2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép.*

*3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.*

*4. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ”.*

- Khoản 1 Điều 204: *“1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 202 của Luật này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định”.*

Luật Các TCTD năm 2024 có sửa đổi, bổ sung một số nội dung về thông báo thông tin cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, quy định về việc giải thể, thanh lý tài sản TCTD được kiểm soát đặc biệt, TCTD được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có TCTD tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ … Do đó, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều, khoản tại Thông tư 24/2017/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số [14/2019/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-14-2019-tt-nhnn-sua-doi-thong-tu-quy-dinh-che-do-bao-cao-dinh-ky-ngan-hang-nha-nuoc-422606.aspx) ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của NHNN và Thông tư số [11/2020/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-11-2020-tt-nhnn-sua-doi-thong-tu-24-2017-tt-nhnn-thu-hoi-giay-phep-to-chuc-tin-dung-456756.aspx) ngày 02/11/2020) (sau đây gọi chung là Thông tư số 24) nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật các TCTD năm 2024.

**II. Quan điểm xây dựng và bố cục của DTTT**

**1. Quan điểm xây dựng DTTT**

- Tuân thủ quy định của Luật Các TCTD 2024 và các quy định pháp luật liên quan.

- Kế thừa một số quy định còn phù hợp của Thông tư 24, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

**2. Bố cục của DTTT**

DTTT bao gồm 4 chương, 28 Điều, cụ thể:

- Chương I quy định chung bao gồm 07 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép, nguyên tắc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản, nguyên tắc lập hồ sơ, các hành vi bị cấm trong thu hồi Giấy phép

- Chương II quy định về thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của TCTD, chi nhánh NHNNg, gồm 03 Mục:

+ Mục 1. Thu hồi Giấy phép từ Điều 8 đến Điều 12 quy định hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với: (i) TCTD, chi nhánh NHNNg tự nguyện giải thể; (ii) TCTD, chi nhánh NHNNg bị thu hồi Giấy phép; (iii) TCTD bị kiểm soát đặc biệt có TCTD tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ. Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thu hồi Giấy phép TCTD, chi nhánh NHNNg.

+ Mục 2. Thanh lý tài sản từ Điều 13 đến Điều 16 quy định thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thanh lý, thứ tự phân chia tài sản, thời hạn thanh lý, các trường hợp chấm dứt thanh lý.

+ Mục 3. Giám sát thanh lý từ Điều 17 đến Điều 20: quy định về cơ cấu tổ chức của Tổ giám sát thanh lý, Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Tổ giám sát thanh lý, cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý

- Chương III quy định về thu hồi giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài từ Điều 20 đến Điều 22 quy định trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài, hồ sơ thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài, công bố thông tin về việc thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài.

- Chương IV. Tổ chức thực hiện từ Điều 25 đến Điều 28, quy định về trách nhiệm của các đơn vị liên quan, điều khoản chuyển tiếp, tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Quy định tại Thông tư 24** | **Quy định tại DTTT thay thế Thông tư 24** | **Lý do** |
| 1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.  2. Trường hợp tổ chức tín dụng tổ chức lại, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức lại tổ chức tín dụng.  3. Trường hợp tổ chức tín dụng phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.  2. Trường hợp tổ chức tín dụng tổ chức lại, hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức lại tổ chức tín dụng.  3. Trường hợp tổ chức tín dụng phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24 |
| 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tín dụng bao gồm:  a) Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã;  b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  c) Tổ chức tài chính vi mô.  2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (sau đây gọi tắt là văn phòng đại diện).  4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tín dụng bao gồm:  a) Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã;  b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  c) Tổ chức tài chính vi mô;  2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng *(sau đây gọi là văn phòng đại diện nước ngoài).*  4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*;* thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài. | - Kế thừa quy định tại Thông tư 24.  - Sửa cụm từ “văn phòng đại diện” thành “*văn phòng đại diện nước ngoài”* để phù hợp khoản 3 Điều 2 Luật các TCTD. |
| 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 28, Điều 150, khoản 2 Điều 154 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).  2. *Cơ quan có thẩm quyền quyết định* là cơ quan của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng có thẩm quyền quyết định việc giải thể, chấm dứt hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.  3. *Ngân hàng mẹ* là ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam.  4. *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đặt trụ sở chính.  5. *Ủy ban nhân dân* là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đặt trụ sở chính. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại *điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 36, Điều 187, khoản 1 Điều 202 Luật các tổ chức tín dụng.*  2. *Cơ quan có thẩm quyền quyết định* là cơ quan của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng có thẩm quyền quyết định việc giải thể, chấm dứt hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.  3. *Ngân hàng mẹ* là ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam.  4. *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở.  5. *Ủy ban nhân dân* là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 về tổ chức tín dụng, chi nhánh NHNNg bị thu hồi Giấy phép để phù hợp quy định tại Luật các TCTD 2024. |
| 4 | **Điều 3a. Thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép**  1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc) có thẩm quyền quyết định:  a) Thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng;  b) Thu hồi Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo phân công của Thống đốc.  2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có thẩm quyền quyết định:  a) Thu hồi Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn, trừ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;  b) Thu hồi Giấy phép đối với văn phòng đại diện trên địa bàn. | **Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép**  *1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc) có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô.*  *2. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với:*  *a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;*  *b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo phân công của Thống đốc.*  3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với:  a) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn, trừ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;  b) Văn phòng đại diện nước ngoài trên địa bàn. | Tại Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 14/7/2021 Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2021 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành địa phương “Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực”.  Do vậy, nhằm đảm bảo phân cấp thẩm quyền trong việc thu hồi Giấy phép của TCTD, chi nhánh NHNNg, nhằm giảm tầng nấc, các khâu trung gian, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 75 nêu trên, dự thảo Thông tư đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 4 dự thảo Thông tư quy định về thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép theo hướng:  - Thống đốc NHNN quyết định thu hồi Giấy phép đối với Ngân hàng thương mại, Ngân hàng hợp tác xã và tổ chức tài chính vi mô.  - Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quyết định thu hồi đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh NHNNg là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của CQTTGSNH theo phân công của Thống đốc.  - Giám đốc NHNN chi nhánh quyết định thu hồi Giấy phép đối với các chi nhánh NHNNg có quy mô nhỏ trên địa bàn không thuộc đối tượng quản lý, thanh tra, giám sát của CQTTGSNH và văn phòng đại diện trên địa bàn (quy định tại kế thừa quy định tại Thông tư 24/2017/TT-NHNN). |
| 5 | **Điều 4. Nguyên tắc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trước và trong quá trình thanh lý tài sản, giải thể và thu hồi Giấy phép.  2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) chỉ chấp thuận việc giải thể khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Việc giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.  3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 1e Chương VIII Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).  4. Trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung). | **Điều 5. Nguyên tắc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trước và trong quá trình thanh lý tài sản, giải thể và thu hồi Giấy phép.  2. Ngân hàng Nhà nước chỉ chấp thuận việc giải thể khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng một trong các điều kiện sau:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;  *b) Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.*  3. Việc giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.  4. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, *Thống đốc* ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 5 Chương X Luật Các tổ chức tín dụng.  5. Trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng. | - Về cơ bản kế thừa tại Thông tư 24.  - Sửa đổi, bổ sung khoản 2 để bổ sung quy định nguyên tắc NHNN chấp thuận giải thể đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; tổ chức tín dụng, chi nhánh NHNNg được can thiệp sớm theo hướng:  + Tổ chức tín dụng (bao gồm cả tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả chi nhánh NHNNg được can thiệp sớm) có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; hoặc  + Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.  Quy định này nhằm hướng dẫnkhoản 5 Điều 187, khoản 4 Điều 202, khoản 1 Điều 204 Luật các TCTD.  - Cập nhật các quy định tại Luật các TCTD 2024. |
| 6 | **Điều 5. Nguyên tắc lập hồ sơ**  1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch công chứng sang tiếng Việt, trừ trường hợp hồ sơ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.  2. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. | **Điều 6. Nguyên tắc lập hồ sơ**  1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch công chứng sang tiếng Việt, trừ trường hợp hồ sơ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.  2. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24 |
| 7 | **Điều 6. Các hành vi bị cấm trong quá trình thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  Kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc kể từ ngày Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này, nghiêm cấm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, người quản lý, người điều hành, người lao động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các hoạt động, giao dịch liên quan đến tài sản, công nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau đây:  1. Cất giấu, tẩu tán tài sản.  2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.  3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Cầm cố, thế chấp, tặng cho và cho thuê tài sản.  5. Ký kết thỏa thuận, hợp đồng mới trừ các thỏa thuận, hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt hoạt động.  6. Chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài. | **Điều 7. Các hành vi bị cấm trong quá trình thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  Kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc kể từ ngày Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 9, *khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 11* Thông tư này, nghiêm cấm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, người quản lý, người điều hành, người lao động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các hoạt động, giao dịch liên quan đến tài sản, công nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau đây:  1. Cất giấu, tẩu tán tài sản.  2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.  3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Cầm cố, thế chấp, tặng cho và cho thuê tài sản.  5. Ký kết thỏa thuận, hợp đồng mới trừ các thỏa thuận, hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt hoạt động.  6. Chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24 |
| 8 | **Điều 7. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện**  1. Chấp thuận đề nghị giải thể:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:  (i) Thuê doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật của năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể;  (ii) Xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và trên cơ sở kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo quy định tại điểm a(i) Khoản này;  (iii) Lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này và nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 3a Thông tư này hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3a Thông tư này;  b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến:  (i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về thực trạng tổ chức, hoạt động, khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; quan điểm về việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý liên quan đến thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn;  (ii) Ủy ban nhân dân về quan điểm việc giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn;  (iii) Một số Bộ, ngành, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết);  c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm b(ii), b(iii) Khoản này;  d) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm b, c Khoản này có văn bản tham gia ý kiến gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  đ) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tổng hợp ý kiến, trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản chứng minh được khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đảm bảo quyền lợi cho khách nợ, chủ nợ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  (i) Có văn bản chấp thuận giải thể, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý tài sản, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý tài sản theo phương án thanh lý tài sản đã được chấp thuận; thành lập Tổ giám sát thanh lý; hoặc  (ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan;  e) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm đ(ii) Khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện quy định tại điểm đ(i) Khoản này;  g) Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản không chứng minh được khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản từ chối chấp thuận giải thể, trong đó nêu rõ lý do.  2. Thanh lý tài sản:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng thanh lý trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể có hiệu lực thi hành và tiến hành thanh lý tài sản theo quy định tại Mục 2 Chương này và các quy định của pháp luật có liên quan;  b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chấm dứt thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) đối với các trường hợp chấm dứt thanh lý quy định tại Điều 13 Thông tư này gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  d) Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có trách nhiệm báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp chấm dứt thanh lý quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;  3. Thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3a:  a) Trong thời hạn năm mươi (50) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc:  (i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này; hoặc  (ii) Có quyết định chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; hoặc  (iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có);  b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm a(iii) Khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc theo quy định tại điểm a(i) hoặc điểm a(ii) Khoản này;  c) Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này, Thống đốc có quyết định hoặc văn bản theo quy định tại điểm a Khoản này.  3a.[[19]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Van-ban-hop-nhat-10-VBHN-NHNN-2020-trinh-tu-thu-hoi-Giay-phep-va-thanh-ly-tai-san-cua-to-chuc-tin-dung-458261.aspx#_ftn19) Thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3a:  a) Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  (i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép; hoặc  (ii) Có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có);  b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm a(ii) Khoản này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện quy định tại điểm a(i) Khoản này  4. Hồ sơ đề nghị giải thể:  a) Văn bản đề nghị giải thể do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ ký;  b) Phương án thanh lý tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:  (i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  (ii) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);  (iii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);  (iv) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng thanh lý) theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 10 Thông tư này;  (v) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể; trong đó xác định rõ khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;  (vi) Lý do đề nghị giải thể tự nguyện;  (vii) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;  (viii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nêu rõ kế hoạch chuyển vốn, lợi nhuận và tài sản ra nước ngoài;  (ix) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;  (x) Kiến nghị, đề xuất (nếu có);  c) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể, phương án thanh lý tài sản;  d) Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể theo yêu cầu của ngân hàng mẹ, hồ sơ phải có biên bản, nghị quyết, quyết định của ngân hàng mẹ về việc giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo quy định tại điểm a(i) khoản 1 Điều này;  e) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giải thể chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán độc lập phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp. | **Điều 8. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự nguyện giải thể**  1. Chấp thuận đề nghị giải thể:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:  (i) Thuê doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật của năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể;  (ii) Xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này và trên cơ sở kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo quy định tại điểm a(i) khoản này;  (iii) Lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 6 Điều này và nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều ~~4~~ Thông tư này hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này;  b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến:  (i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về thực trạng tổ chức, hoạt động, khả năng thanh toán *đầy đủ* các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; quan điểm về việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý liên quan đến thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn;  (ii) Ủy ban nhân dân về quan điểm việc giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn;  (iii) Một số Bộ, ngành, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết);  c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm b(ii), b(iii) khoản này;  d) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm b, c khoản này có văn bản tham gia ý kiến gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  đ) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tổng hợp ý kiến, trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đảm bảo quyền lợi cho khách nợ, chủ nợ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  (i) Có văn bản chấp thuận giải thể, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý tài sản, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý tài sản theo phương án thanh lý tài sản đã được chấp thuận; thành lập Tổ giám sát thanh lý; hoặc  (ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan;  *(iii)* *Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng báo cáo, giải trình quy định tại điểm đ(ii) khoản này.*  e) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm *đ(iii)* khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện quy định tại điểm đ(i) khoản này;  g) Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản không chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản từ chối chấp thuận giải thể, trong đó nêu rõ lý do.  2. Thanh lý tài sản:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng thanh lý trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể có hiệu lực thi hành và tiến hành thanh lý tài sản theo quy định tại Mục 2 Chương này và các quy định của pháp luật có liên quan;  b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày chấm dứt thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) đối với các trường hợp chấm dứt thanh lý quy định tại *Điều 17 Thông tư này* gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  d) Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có trách nhiệm báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp chấm dứt thanh lý quy định tại *khoản 2 Điều 17 Thông tư này.*  3. Thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4:  a) Trong thời hạn năm mươi (50) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc:  (i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại *khoản 1 Điều 17 Thông tư này;* hoặc  (ii) Có quyết định chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại *khoản 2 Điều 17 Thông tư này*. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; hoặc  (iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có)  *(iv) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng báo cáo, giải trình quy định tại điểm a(iii) khoản này.*  b) Trong thời hạn *hai mươi (20) ngày* kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng quy định tại điểm *a(iv)* khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc theo quy định tại điểm a(i) hoặc điểm a(ii) khoản này;  c) Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này, Thống đốc có quyết định hoặc văn bản theo quy định tại điểm a khoản này.  *4. Thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4:*  *a) Trong thời hạn năm mươi (50) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét:*  *(i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này; hoặc*  *(ii) Có quyết định chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; hoặc*  *(iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có)*  *(iv) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng báo cáo, giải trình quy định tại điểm a(iii) khoản này.*  *b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm a(iv) khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện quy định tại điểm a(i) hoặc điểm a(ii) khoản này.*  5. Thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4:  a) Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  (i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép; hoặc  (ii) Có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có);  *(iii) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo, giải trình quy định tại điểm a(ii) khoản này.*  b) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại *điểm a(iii)* khoản này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện quy định tại điểm a(i) khoản này.  6. Hồ sơ đề nghị giải thể:  a) Văn bản đề nghị giải thể do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ ký;  b) Phương án thanh lý tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:  (i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  (ii) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);  (iii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);  (iv) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng thanh lý) theo quy định tại *khoản 1, 2, 3 Điều 14 Thông tư này;*  (v) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể; trong đó xác định rõ khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;  (vi) Lý do đề nghị giải thể tự nguyện;  (vii) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;  (viii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nêu rõ kế hoạch chuyển vốn, lợi nhuận và tài sản ra nước ngoài;  (ix) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;  (x) Kiến nghị, đề xuất (nếu có);  c) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể, phương án thanh lý tài sản;  d) Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể theo yêu cầu của ngân hàng mẹ, hồ sơ phải có biên bản, nghị quyết, quyết định của ngân hàng mẹ về việc giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo quy định tại điểm a(i) khoản 1 Điều này;  e) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giải thể chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán độc lập phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp. | - Kế thừa quy định tại Thông tư 24.  - Sửa tên Điều để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, “TTHC là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức”.  - Khoản 3 được sửa đổi, bổ sung theo hướng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm đề nghị giải thể, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ áp dụng hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép như trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh NHNNg đề nghị giải thể.  - Bổ sung khoản 4 để phù hợp với thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép tại Điều 4 dự thảo Thông tư.  - Bổ sung quy định về thời hạn, nội dung thông tin, hồ sơ liên quan… trong trường hợp TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi báo cáo, giải trình các nội dung liên quan để tránh trường hợp hồ sơ bị quá hạn xử lý trên phần mềm theo dõi một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công quốc gia khi chi nhánh ngân hàng nước ngoài không bổ sung hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ quá thời hạn giải quyết TTHC. |
| 9 | **Điều 8. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép**  1. Căn cứ kết luận thanh tra hoặc kết quả hoạt động giám sát ngân hàng có nội dung về việc giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền về chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc có văn bản hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản; thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.  2. Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 7, Mục 2 Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.  3. Trình tự thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 3a Điều 7 Thông tư này. | **Điều 9. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép *(trừ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ)***  1. Căn cứ kết luận thanh tra hoặc kết quả hoạt động giám sát ngân hàng có nội dung về việc giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quyết định của Ngân hàng Nhà nước về giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, trình Thống đốc có văn bản hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản; thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.  2. Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 8, Mục 2 Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.  3. Trình tự thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư này. | - Kế thừa quy định tại Thông tư 24 đối với trường hợp thu hồi giấy phép đối với TCTD, chi nhánh NHNNg không thuộc trường hợp TCTD được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.  - Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với TCTD được can thieepk sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ được quy định tại Điều 10, Điều 11 DTTT. |
| 10 |  | ***Điều 10. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ***  *1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.*  *2. Phương án thanh lý tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:*  *(i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;*  *(ii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;*  *(iii) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng thanh lý) theo quy định tại****khoản 2 Điều 14*** *Thông tư này;*  *(iv) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đến thời điểm đề nghị tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.*  *(v) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;*  *(vi) Kế hoạch mua một phần hoặc toàn bộ tài sản, kế hoạch nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; lộ trình, cách thức mua tài sản, chuyển giao nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba liên quan đến việc chuyển giao nghĩa vụ nợ; biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.*  *(vii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản;*  *(viii) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;*  *(ix) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).*  *3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án thanh lý quy định tại khoản 1, 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý, yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thanh lý tài sản, thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.*  *4. Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8, Mục 2 Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.*  *5. Trình tự thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.* | Bổ sung một điều quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với trường hợp TCTD được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Điều 10 DTTT nhằm hướng dẫn khoản 5 Điều 187 Luật các TCTD. |
| \ |  | ***Điều 11. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ***  *1. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.*  *2. Phương án thanh lý tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:*  *(i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;*  *(ii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;*  *(iii) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng thanh lý) theo quy định tại****khoản 2 Điều 14*** *Thông tư này;*  *(iv) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm đến thời điểm đề nghị tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.*  *(v) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;*  *(vi) Kế hoạch, lộ trình, cách thức chuyển giao nghĩa vụ nợ giữa tổ chức tín dụng được can thiệp sớm và tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm và tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba liên quan đến việc chuyển giao; biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.*  *(vii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản;*  *(viii) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;*  *(ix) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).*  *3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án thanh lý quy định tại khoản 1, 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận giải thể tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý, yêu cầu tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thanh lý tài sản, thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.*  *4. Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8, Mục 2 Chương II Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.*  *5. Trình tự thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.* | Bổ sung một điều quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép đối với trường hợp TCTD được can thiệp sớm có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Điều 11 DTTT nhằm hướng dẫn khoản 5 Điều 187 Luật các TCTD. |
| 11 | **Điều 9. Công bố thông tin và thực hiện thủ tục chấm dứt pháp nhân, chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật**  1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể quy định tại điểm đ(i) khoản 1 Điều 7 Thông tư này, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố trên một tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng, trụ sở chính của chi nhánh ngân hàng nước ngoài các thông tin sau đây:  a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấp thuận giải thể, văn bản của Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản;  b) Tên, địa chỉ trụ sở chính;  c) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;  d) Vốn điều lệ, vốn được cấp;  đ) Người đại diện theo pháp luật.  2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành:  a) Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 3a Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Bộ Tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có);  b) Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3a Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Bộ Tài chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.  3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố quyết định thu hồi Giấy phép trên một tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; trụ sở chính của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục chấm dứt pháp nhân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. | **Điều 12. Công bố thông tin**  1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể quy định tại *điểm đ(i) khoản 1 Điều 8 Thông tư này*, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản quy định tại *khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 11 Thông tư này* có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có), và một tờ báo in trong ba (03) số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài các thông tin sau đây:  a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấp thuận giải thể, văn bản của Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản;  b) Tên, địa chỉ trụ sở chính;  c) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;  d) Vốn điều lệ, vốn được cấp;  đ) Người đại diện theo pháp luật.  2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành:  a) Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Bộ Tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có);  b) Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Bộ Tài chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.  3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố quyết định thu hồi Giấy phép trên một tờ báo in trong ba (03) số liên tiếp hoặc trên một (01) báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; trụ sở chính của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  *4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng phải hoàn tất việc chấm dứt pháp nhân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động.* | - Kế thừa quy định tại Thông tư 24.  - Sửa đổi khoản 4 theo hướng TCTD không phải thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động, chấm dứt pháp nhân. |
| 12 |  | ***Điều 13.******Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh***  *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thu hồi Giấy phép* ***tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*** *kèm theo Quyết định thu hồi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.* | Bổ sung Điều 13 nhằm hướng dẫn khoản 4 Điều 27 Luật các TCTD. |
| 13 | **Điều 10. Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý**  1. Thành phần Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng  a) Thành phần Hội đồng thanh lý bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; tối thiểu một (01) thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (nếu có); Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng; một số thành viên khác trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát (nếu có); cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thay thế tham gia Hội đồng thanh lý; trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý;  b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, người được cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại điểm a Khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;  c) Trường hợp tổ chức tín dụng có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b Khoản này.  2. Thành phần Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài:  a) Hội đồng thanh lý bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, tối thiểu một (01) thành viên do ngân hàng mẹ chỉ định và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cơ quan có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý;  b) Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), người được cơ quan có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Tổng giám đốc (Giám đốc) theo quy định tại điểm a Khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;  c) Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài có Tổng giám đốc (Giám đốc) mới thì Tổng giám đốc (Giám đốc) mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b Khoản này.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định Hội đồng thanh lý theo thành phần quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đối với trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện.  4. Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép như sau:  a) Thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hoặc  b) Thành phần khác do Thống đốc quyết định trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đề nghị thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.  5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý:  a) Được sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật;  b) Rà soát toàn bộ các khoản mục của tài sản có và tài sản nợ, các khoản mục ngoại bảng của bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, lập danh sách và số tiền của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và danh mục tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để xử lý;  c) Thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, tìm mọi biện pháp để thu hồi nợ và các tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc đầu tiên hàng tháng hoặc đột xuất, báo cáo Tổ giám sát thanh lý về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác;  đ) Chi phí liên quan đến hoạt động của Hội đồng thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành;  e) Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi tổ chức tín dụng chấm dứt pháp nhân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. | **Điều 14. Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý**  1. Thành phần Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng  a) Thành phần Hội đồng thanh lý bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; tối thiểu một (01) thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (nếu có); Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng; một số thành viên khác trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát (nếu có); cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thay thế tham gia Hội đồng thanh lý; trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý;  b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, người được cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại điểm a khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;  c) Trường hợp tổ chức tín dụng có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này.  *2. Thành phần Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt giải thể khi có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ*  *a) Thành phần Hội đồng thanh lý bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; tối thiểu một (01) thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (nếu có) của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát đặc biệt (đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt); Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; một số thành viên khác trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát (nếu có), thành viên Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, thành viên Ban kiểm soát tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thay thế tham gia Hội đồng thanh lý; trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý;*  *b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, người được cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại điểm a khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;*  *c) Trường hợp tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này.*  3. Thành phần Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài:  a) Hội đồng thanh lý bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, tối thiểu một (01) thành viên do ngân hàng mẹ chỉ định và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cơ quan có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý;  b) Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), người được cơ quan có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Tổng giám đốc (Giám đốc) theo quy định tại điểm a Khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;  c) Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài có Tổng giám đốc (Giám đốc) mới thì Tổng giám đốc (Giám đốc) mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này.  4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định Hội đồng thanh lý theo thành phần quy định tại khoản 1, *khoản 3* Điều này đối với trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự nguyện giải thể.  5. Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép như sau:  a) Thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2, *khoản 3* Điều này trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hoặc  b) Thành phần khác do Thống đốc quyết định trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đề nghị thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2, *khoản 3* Điều này.  6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý:  a) Được sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật;  b) Rà soát toàn bộ các khoản mục của tài sản có và tài sản nợ, các khoản mục ngoại bảng của bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, lập danh sách và số tiền của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và danh mục tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để xử lý;  c) Thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, tìm mọi biện pháp để thu hồi nợ và các tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc đầu tiên hàng tháng hoặc đột xuất, báo cáo Tổ giám sát thanh lý về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác;  đ) Chi phí liên quan đến hoạt động của Hội đồng thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành;  e) Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi tổ chức tín dụng chấm dứt pháp nhân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. | - Về cơ bản kế thừa quy định tại Thông tư 24.  - Bổ sung một khoản (khoản 2) hướng dẫn về thành phần Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt giải thể khi có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ, theo đó thành phần hội đồng thanh lý bao gồm cả thành phần thuộc Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và thành phần của tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ. |
| 14 | **Điều 11. Thứ tự phân chia tài sản**  1. Việc phân chia tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự sau đây:  a) Các khoản vay đặc biệt theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);  b) Các khoản lệ phí, chi phí thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật;  c) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;  d) Các khoản chi trả cho người gửi tiền;  đ) Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;  e) Các khoản nợ khác.  2. Trường hợp giá trị tài sản của tổ chức tín dụng sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được chia cho các cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thực hiện việc phân chia tài sản.  3. Trường hợp giá trị tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được thanh toán cho ngân hàng mẹ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. | **Điều 15. Thứ tự phân chia tài sản**  1. Việc phân chia tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự sau đây:  a) Các khoản vay đặc biệt theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;  b) Các khoản lệ phí, chi phí thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật;  c) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;  d) Các khoản chi trả cho người gửi tiền;  đ) Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;  e) Các khoản nợ khác.  2. Trường hợp giá trị tài sản của tổ chức tín dụng sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được chia cho các cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thực hiện việc phân chia tài sản.  3. Trường hợp giá trị tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được thanh toán cho ngân hàng mẹ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24 |
| 15 | **Điều 12. Thời hạn thanh lý**  1. Thời hạn thanh lý là mười hai (12) tháng kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản có hiệu lực thi hành. Thời hạn thanh lý có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá mười hai (12) tháng.  2. Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, trước ngày kết thúc thời hạn thanh lý bốn mươi lăm (45) ngày, Hội đồng thanh lý có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trường hợp không thuộc trường hợp chấm dứt thanh lý theo quy định tại Điều 13 Thông tư này mà Hội đồng thanh lý không có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, Tổ giám sát thanh lý xem xét có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.  3. Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý. | **Điều 16. Thời hạn thanh lý**  1. Thời hạn thanh lý là mười hai (12) tháng kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản có hiệu lực thi hành. Thời hạn thanh lý có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá mười hai (12) tháng.  2. Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, trước ngày kết thúc thời hạn thanh lý bốn mươi lăm (45) ngày, Hội đồng thanh lý có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trường hợp không thuộc trường hợp chấm dứt thanh lý theo quy định tại *Điều 17 Thông tư này* mà Hội đồng thanh lý không có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, Tổ giám sát thanh lý xem xét có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.  3. Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24 |
| 16 | **Điều 13. Các trường hợp chấm dứt thanh lý**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt thanh lý trong các trường hợp sau đây:  1. Đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư này.  2. Không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ. | **Điều 17. Các trường hợp chấm dứt thanh lý**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt thanh lý trong các trường hợp sau đây:  1. Đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Thông tư này.  2. Không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
| 17 | **Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Tổ giám sát thanh lý**  1. Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định việc thành lập Tổ giám sát thanh lý, chỉ định Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý, việc sử dụng con dấu của Tổ giám sát thanh lý, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ giám sát thanh lý.  2. Tổ giám sát thanh lý có tối thiểu (05) thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này bao gồm:  a) Đại diện Ngân hàng Nhà nước;  b) Đại diện của tổ chức tín dụng khác được chỉ định theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng đó (trường hợp Thống đốc chỉ định một tổ chức tín dụng khác tham gia giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng). | **Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Tổ giám sát thanh lý**  1. Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định việc thành lập Tổ giám sát thanh lý, chỉ định Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý, việc sử dụng con dấu của Tổ giám sát thanh lý, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ giám sát thanh lý.  2. Tổ giám sát thanh lý có tối thiểu (05) thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này bao gồm:  a) Đại diện Ngân hàng Nhà nước;  b) Đại diện của tổ chức tín dụng khác được chỉ định theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng đó (trường hợp Thống đốc chỉ định một tổ chức tín dụng khác tham gia giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng). | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
| 18 | **Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Tổ giám sát thanh lý**  1. Có bằng Đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có ít nhất ba (03) năm công tác trong ngành ngân hàng hoặc bảo hiểm tiền gửi.  2. Không phải là cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý tài sản. | **Điều 19. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Tổ giám sát thanh lý**  1. Có bằng Đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có ít nhất ba (03) năm công tác trong ngành ngân hàng hoặc bảo hiểm tiền gửi.  2. Không phải là cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý tài sản. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
| 19 | **Điều 16. Cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý**  1. Các thành viên Tổ giám sát thanh lý làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm.  2. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và các thành viên chịu trách nhiệm trước Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc thực thi nhiệm vụ của mình.  3. Phiên họp của Tổ giám sát thanh lý chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ giám sát thanh lý chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp. Trường hợp có số phiếu biểu quyết hợp lệ ngang nhau thì nội dung có phiếu biểu quyết tán thành của Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý là nội dung được thông qua.  4. Chi phí liên quan đến hoạt động của Tổ giám sát thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.  5. Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định chấm dứt thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 20. Cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý**  1. Các thành viên Tổ giám sát thanh lý làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm.  2. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và các thành viên chịu trách nhiệm trước Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc thực thi nhiệm vụ của mình.  3. Phiên họp của Tổ giám sát thanh lý chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ giám sát thanh lý chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp. Trường hợp có số phiếu biểu quyết hợp lệ ngang nhau thì nội dung có phiếu biểu quyết tán thành của Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý là nội dung được thông qua.  4. Chi phí liên quan đến hoạt động của Tổ giám sát thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.  5. Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định chấm dứt thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
| 20 | **Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý**  1. Chỉ đạo, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm kê toàn bộ công nợ, các khoản phải thu, phải trả; yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mời các chủ nợ, khách nợ đến đối chiếu để xác định khả năng thanh toán và nguồn trả nợ.  2. Yêu cầu Hội đồng thanh lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản, thực hiện việc chi trả cho các chủ nợ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.  3. Giám sát toàn bộ quá trình thanh lý tài sản theo quy định tại Thông tư này và quyết định của Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.  4. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc đầu tiên hằng tháng hoặc đột xuất, Tổ giám sát thanh lý lập báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết có văn bản đề nghị các cơ quan liên quan hỗ trợ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. Được quyền đề nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định đình chỉ hoạt động của thành viên Hội đồng thanh lý cố ý vi phạm luật pháp hoặc không thực hiện theo kế hoạch thanh lý tài sản hoặc có hành vi tẩu tán tài sản, từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng, trình Thống đốc có văn bản yêu cầu các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các cá nhân sai phạm (nếu có).  6. Kiến nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Thống đốc, Ủy ban nhân dân xử lý những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.  7. Tổ giám sát thanh lý chịu sự chỉ đạo của Thống đốc hoặcGiám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.  8. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư này. | **Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý**  1. Chỉ đạo, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm kê toàn bộ công nợ, các khoản phải thu, phải trả; yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mời các chủ nợ, khách nợ đến đối chiếu để xác định khả năng thanh toán và nguồn trả nợ.  2. Yêu cầu Hội đồng thanh lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản, thực hiện việc chi trả cho các chủ nợ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.  3. Giám sát toàn bộ quá trình thanh lý tài sản theo quy định tại Thông tư này và quyết định của Thống đốc hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh  quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.  4. Trong thời hạn mười (10) ngày đầu tiên hằng tháng hoặc đột xuất, Tổ giám sát thanh lý lập báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết có văn bản đề nghị các cơ quan liên quan hỗ trợ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. Được quyền đề nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định đình chỉ hoạt động của thành viên Hội đồng thanh lý cố ý vi phạm luật pháp hoặc không thực hiện theo kế hoạch thanh lý tài sản hoặc có hành vi tẩu tán tài sản, từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng, trình Thống đốc có văn bản yêu cầu các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các cá nhân sai phạm (nếu có).  6. Kiến nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Thống đốc, Ủy ban nhân dân xử lý những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.  7. Tổ giám sát thanh lý chịu sự chỉ đạo của Thống đốc hoặcGiám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.  8. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư này. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
| 21 | **Điều 18. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện**  1. Đối với văn phòng đại diện đề nghị chấm dứt hoạt động:  a) Văn phòng đại diện lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này và nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thẩm định hồ sơ và có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết);  c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, các đơn vị được gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm b Khoản này có văn bản tham gia ý kiến gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  d) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  (i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc  (ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có);  đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của văn phòng đại diện quy định tại điểm d(ii) Khoản này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm d(i) Khoản này.  2. Đối với văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép:  Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của văn phòng đại diện có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép; hoặc văn phòng đại diện hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép; hoặc tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đó đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm d(i) khoản 1 Điều này.  3. Đối với văn phòng đại diện không đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật.  4. Đối với văn phòng đại diện đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận bằng văn bản, tại văn bản trả lời văn phòng đại diện về việc không chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu văn phòng đại diện tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật. | **Điều 22. Thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài**  1. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài đề nghị chấm dứt hoạt động:  a) Văn phòng đại diện nước ngoài lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này và nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thẩm định hồ sơ và có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết);  c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, các đơn vị được gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm b Khoản này có văn bản tham gia ý kiến gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  d) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  (i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc  (ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có);  *(iii) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước nhà nước chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước nhà nước chi nhánh báo cáo, giải trình quy định tại điểm d(ii) khoản này.*  đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của văn phòng đại diện nước ngoài quy định tại điểm d(iii) khoản này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm d(i) khoản này.  2. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài bị thu hồi Giấy phép:  Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép; hoặc văn phòng đại diện nước ngoài hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép; hoặc tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đó đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm d(i) khoản 1 Điều này.  3. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài không đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật.  4. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận bằng văn bản, tại văn bản trả lời văn phòng đại diện về việc không chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật.  5.Hồ sơ thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài  a) Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép.  b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài.  c) Trường hợp văn phòng đại diện nước ngoài bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 Luật các tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính về việc giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động. | - Về cơ bản kế thừa quy định tại Thông tư 24.  - Hồ sơ thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài kế thừa quy định tại Thông tư 24, cập nhật quy định tham chiếu phù hợp quy định tại Luật các TCTD 2024. |
| 22 | **Điều 19. Hồ sơ thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện**  1. Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép.  2. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện.  3. Trường hợp văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), hồ sơ phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính về việc giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động. |
|  | **Điều 20. Công bố Quyết định thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện**  1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, văn phòng đại diện và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.  2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, văn phòng đại diện phải công bố quyết định thu hồi Giấy phép trên một tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở văn phòng đại diện.  3. Đối với văn phòng đại diện không đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận bằng văn bản, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép hết hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc hết thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện và có văn bản thông báo về việc hết thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện gửi Ủy ban nhân dân và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. | **Điều 23. Công bố thông tin về việc thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài**  1. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, văn phòng đại diện và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.  2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, văn phòng đại diện nước ngoài phải công bố quyết định thu hồi Giấy phép trên một tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong ba (03) số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở văn phòng đại diện nước ngoài.  3. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài không đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận bằng văn bản, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép hết hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc hết thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài và có văn bản thông báo về việc hết thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài gửi Ủy ban nhân dân và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
|  |  | ***Điều 24.******Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh***  *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thu hồi Giấy phép kèm theo Quyết định thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.* | Bổ sung một điều quy định về trách nhiệm của NHNN chi nhánh trong việc thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh về việc thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài nhằm hướng dẫn khoản 4 Điều 27 Luật các TCTD. |
|  | **Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thực trạng về tổ chức và hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện; thực hiện chế độ báo cáo và các quy định của pháp luật có liên quan việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép theo đúng quy định tại Thông tư này.  2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm xử lý các kiến nghị liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 3a Thông tư này ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý; trình Thống đốc xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm xử lý các kiến nghị liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện quy định tại khoản 2 Điều 3a Thông tư này ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý; cử đại diện tham gia Tổ giám sát thanh lý đối với trường hợp thu hồi Giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 3a Thông tư này khi có đề nghị; trình Thống đốc xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quá trình thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện; tham gia ý kiến theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm b(i) khoản 1 Điều 7 Thông tư này.  4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt chi nhánh có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng.  5. Các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thời hạn quy định tại Điều 7, Điều 18 Thông tư này. | **Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thực trạng về tổ chức và hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài; thực hiện chế độ báo cáo và các quy định của pháp luật có liên quan việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép theo đúng quy định tại Thông tư này.  2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm xử lý các kiến nghị liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1, *khoản 2* Điều 4 Thông tư này ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý; trình Thống đốc xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm xử lý các kiến nghị liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài quy định tại *khoản 3* Điều 4 Thông tư này ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý; cử đại diện tham gia Tổ giám sát thanh lý đối với trường hợp thu hồi Giấy phép quy định tại *khoản 1, khoản 2* Điều 4 Thông tư này khi có đề nghị; trình Thống đốc xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quá trình thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài; tham gia ý kiến theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm b(i) khoản 1 Điều 8 Thông tư này.  4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt chi nhánh có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng.  5. Các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thời hạn quy định tại Điều 8, Điều 22 Thông tư này. | Về cơ bản kế thừa quy định tại Thông tư 24, có sửa đổi, bổ sung dẫn chiếu để phù hợp với Điều 4 dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang tiến hành thanh lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số [34/2011/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-34-2011-tt-nhnn-huong-dan-trinh-tu-thu-tuc-thu-hoi-giay-phep-131164.aspx) ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Thống đốc hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Thông tư số [29/2015/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-29-2015-tt-nhnn-sua-doi-quy-dinh-thanh-phan-ho-so-co-ban-sao-chung-thuc-giay-to-van-ban-285026.aspx) ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc về sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản. | **Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp**  *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang tiến hành thanh lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số*[*24/2017/TT-NHNN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-34-2011-tt-nhnn-huong-dan-trinh-tu-thu-tuc-thu-hoi-giay-phep-131164.aspx)*ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư số*[*11/2020/TT-NHNN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-11-2020-tt-nhnn-sua-doi-thong-tu-24-2017-tt-nhnn-thu-hoi-giay-phep-to-chuc-tin-dung-456756.aspx)*ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số*[*24/2017/TT-NHNN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-24-2017-tt-nhnn-trinh-tu-thu-tuc-thu-hoi-giay-phep-thanh-ly-tai-san-cua-to-chuc-tin-dung-346942.aspx)*ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.* | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
|  | **Điều 24. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | **Điều 27. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |
|  | **Điều 23. Hiệu lực thi hành**  1.Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2018  2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:  a) Thông tư số [34/2011/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-34-2011-tt-nhnn-huong-dan-trinh-tu-thu-tuc-thu-hoi-giay-phep-131164.aspx) ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Thống đốc hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;  b) Điều 7 Thông tư số [29/2015/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-29-2015-tt-nhnn-sua-doi-quy-dinh-thanh-phan-ho-so-co-ban-sao-chung-thuc-giay-to-van-ban-285026.aspx) ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc về sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản. | **Điều 28. Điều khoản thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng .... năm ....  2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:  *a) Thông tư số*[*24/2017/TT-NHNN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-34-2011-tt-nhnn-huong-dan-trinh-tu-thu-tuc-thu-hoi-giay-phep-131164.aspx)*ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;*  *b) Khoản 7 Điều 1, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước;*  *c) Thông tư số*[*11/2020/TT-NHNN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-11-2020-tt-nhnn-sua-doi-thong-tu-24-2017-tt-nhnn-thu-hoi-giay-phep-to-chuc-tin-dung-456756.aspx)*ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số*[*24/2017/TT-NHNN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-24-2017-tt-nhnn-trinh-tu-thu-tuc-thu-hoi-giay-phep-thanh-ly-tai-san-cua-to-chuc-tin-dung-346942.aspx)*ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng./.* | Kế thừa quy định tại Thông tư 24. |